

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNST
Ngày: 25/5/2020
Về việc "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng.

2. Bà Trần N Diệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thi.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Phan Minh V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Trương Xá, xã Cam H, huyện Cam L, tỉnh Q.

2.*Bị đơn:* Chị Trần Thu H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: 218E, ấp Phú T, xã Phú H, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phan Minh V trình bày:

Anh và chị Trần Thu H đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre. Anh và chị H có 01 con chung tên Phan Thanh Minh N, sinh ngày 09/4/2014. Vợ chồng anh đã mâu thuẫn từ lâu và không con chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, hiện tại mỗi người sống một nơi. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tồn tại, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thu H, anh đồng ý để chị H nuôi con chung, anh không cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có. Do điều kiện ở xa nên anh xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thu H trình bày:

Chị và anh Phan Minh V lấy nhau từ năm 2011, trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cãi vã. Đến năm 2015 chị và anh V không còn chung sống với nhau, vì vậy chị đồng ý theo yêu cầu ly hôn của anh V. Về con chung có 01 con chung tên Phan Thanh Minh N, sinh ngày 09/4/2014, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Minh V đối với anh Trần Thu H; giao con chung là cháu Phan Thanh Minh N cho chị Trần Thu H nuôi, ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

-Anh Phan Minh V yêu cầu ly hôn với chị Trần Thu H, chị H có nơi cư trú tại xã Phú H, thành phố B nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

-Anh Phan Minh V có đơn xin giải quyết vắng mặt, xét yêu cầu của anh phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Anh Phan Minh V và chị Trần Thu H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H, thành phố B nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh V chị H đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, đồng thời anh chị cũng đã thống nhất việc ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

-Về con chung: Anh V chị H có 01 con chung tên Phan Thanh Minh N, sinh ngày 09/4/2014, anh chị thỏa thuận chị H tiếp tục nuôi cháu N, anh V không cấp dưỡng. Xét thấy, hiện cháu N đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng tốt, đồng thời chị H cũng có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi cháu N nên công nhận sự thỏa thuận của anh V chị H về việc nuôi con chung. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh V chị H đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải chịu án phí nên anh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Minh V đối với chị Trần Thu H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh Minh N, sinh ngày 09/4/2014 cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị Trần Thu H không yêu cầu anh Phan Minh V cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung sau nay, một hoặc cả hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Minh V chị Trần Thu H đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phan Minh V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008948 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre (anh V đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THA DS Tp. Bến Tre;
- UBND xã Phú Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở